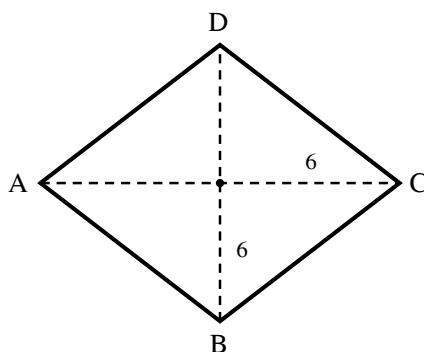


Họ, tên thí sinh:

Mã đề: 1876

Số báo danh:

PHẦN I. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 12. Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn một phương án.**Câu 1:** Hình thoi ABCD trong hình bên có hai đường chéo $AC = 6$ và $BD = 6$. Diện tích hình thoi bằng:

A. 18

B. 6

C. 36

D. 12

Câu 2: Cho biểu thức $A = x^2 - 4x + 7$. Giá trị nhỏ nhất của A là:

A. -4

B. 3

C. 7

D. 4

Câu 3: Điều kiện xác định của phân thức $4/(x + 7)$ là:A. $x \neq 7$ B. $x \neq 0$ C. $x = -7$ D. $x \neq -7$ **Câu 4:** Hai số có tổng bằng 25 và hiệu bằng 7. Số lớn là:

A. 16

B. 14

C. 25

D. 13

Câu 5: Một tam giác có độ dài ba cạnh là 20 cm, 21 cm và 29 cm. Tam giác đó là:

A. Tam giác vuông

B. Tam giác đều

C. Tam giác tù

D. Tam giác nhọn

Câu 6: Kết quả của phép cộng $3/x + 1/x$ ($x \neq 0$) là:A. $4/2x$ B. $4/x$

C. 4

D. $4/x^2$

A. 25 **B. 20**
C. 15 **D. 11**

A. $x \neq -5$

B. $x \neq 5$

C. $x = -5$

D. $x \neq 0$

A. $x = -6$ **B.** $x \neq -6$
C. $x \neq 6$ **D.** $x \neq 0$

A. $x \neq 0$

B. $x \neq -8$

C. $x \neq 8$

D. $x = -8$

A. $7/x^2$ **B.** $7/x$
C. $7/2x$ **D.** 7

A. $x(x + 16)$ **B.** $(x + 8)(x - 8)$
C. $(x - 8)^2$ **D.** $(x + 8)^2$

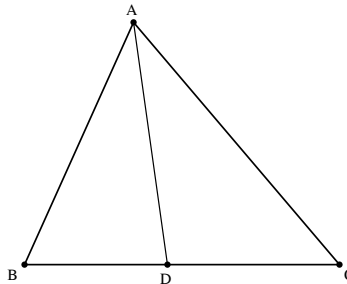
Câu 5: Hai số có tổng bằng 29 và hiệu bằng 3. Số lớn là: Trả lời:

Câu 6: Cho tam giác ABC có AD là đường phân giác của góc A (D thuộc BC).

a) Chứng minh $DB/DC = AB/AC$.

b) Cho $AB = 6$ cm, $AC = 9$ cm, $BC = 10$ cm. Tính độ dài DB và DC.

(Tự luận chứng minh — trình bày lời giải)



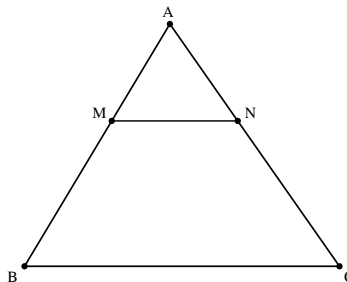
Câu 7: Cho tam giác ABC, đường thẳng d song song với BC, cắt cạnh AB tại M và cắt cạnh AC tại N .

a) Chứng minh $AM/AB = AN/AC$.

b) Chứng minh $AM/MB = AN/NC$.

c) Cho $AM = 3$ cm, $MB = 2$ cm, $AC = 7,5$ cm. Tính độ dài AN.

(Tự luận chứng minh — trình bày lời giải)



----- **HẾT** -----

- Thí sinh không được sử dụng tài liệu;

- Giám thị không giải thích gì thêm.

ĐÁP ÁN THAM KHẢO — Đề thi thử học kỳ 2 môn Toán lớp 8 — Đề số 16

Phần I. Trắc nghiệm 4 phương án

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Đáp án	A	B	D	A	A	B	B	A	B	B	B	D

Phần II. Tự luận

Câu	1	2	3	4	5	6	7
Đáp án	14	18	13	19	16	(TL)	(TL)

** Lời giải chi tiết từng câu chỉ hiển thị sau khi mở khoá đáp án của đề (hoặc mua trọn bộ).*